

114-2學年度國際專修部華語先修生錄取申請入學放榜單
DANH SÁCH CÔNG BỐ KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN HỆ DỰ BỊ TIẾNG 1+4

次序 STT	姓名 Họ tên	系所名稱 Tên khoa	國籍 Quốc tịch	錄取列 Tình trạng
1	DAO *** MANH	人工智慧應用工程學士學位學程／Khoa Kỹ thuật Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
2	DAO **** QUYET	人工智慧應用工程學士學位學程／Khoa Kỹ thuật Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
3	NGUYEN *** VAN	人工智慧應用工程學士學位學程／Khoa Kỹ thuật Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
4	NGUYEN *** MY	人工智慧應用工程學士學位學程／Khoa Kỹ thuật Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
5	DOAN *** ***** NGOC	人工智慧應用工程學士學位學程／Khoa Kỹ thuật Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
6	PHAM **** HOA	人工智慧應用工程學士學位學程／Khoa Kỹ thuật Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
7	NGUYEN **** *** LIEN	人工智慧應用工程學士學位學程／Khoa Kỹ thuật Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
8	NGUYEN *** *** GIANG	人工智慧應用工程學士學位學程／Khoa Kỹ thuật Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
9	NGUYEN *** CHIEN	人工智慧應用工程學士學位學程／Khoa Kỹ thuật Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
10	NGUYEN *** THIET	人工智慧應用工程學士學位學程／Khoa Kỹ thuật Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
11	PHAM *** MANH	人工智慧應用工程學士學位學程／Khoa Kỹ thuật Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
12	NGUYEN *** ***** Y	人工智慧應用工程學士學位學程／Khoa Kỹ thuật Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
13	NGUYEN *** ***** THUONG	智慧製造工程系／Khoa Tri Tuệ Chế Tạo Công Trình	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
14	VU *** BIEN	智慧製造工程系／Khoa Tri Tuệ Chế Tạo Công Trình	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
15	HOANG *** THU	智慧製造工程系／Khoa Tri Tuệ Chế Tạo Công Trình	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
16	HOANG *** ***** ANH	智慧製造工程系／Khoa Tri Tuệ Chế Tạo Công Trình	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
17	BE *** THUY	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
18	BUI *** ***** LIEU	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
19	CHU *** ***** HUE	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
20	DAM *** ***** TRANG	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
21	DIEP ***** THAO	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
22	HA *** ***** THU	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
23	HOANG *** TRANG	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
24	HOANG *** DIEP	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
25	LO *** ***** TRANG	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
26	NGUYEN *** ***** GIANG	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
27	NGUYEN *** PHUONG	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
28	NGUYEN *** QUYNH	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
29	NGUYEN *** ***** THAO	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
30	NGUYEN *** THU	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
31	NGUYEN *** ***** VY	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
32	NGUYEN *** TRANG	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
33	NGUYEN *** *** ANH	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
34	TRAN *** HOAI	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
35	TRUONG *** ***** LAN	餐飲管理系／Khoa Quản Li Nhà Hàng Khách Sạn	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
36	LE *** QUYNH	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
37	LE *** ***** DIEM	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
38	PHAN *** *** CHI	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
39	NGUYEN *** THANH	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
40	VY *** KIEN	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
41	NGUYEN *** ***** KHIEM	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
42	TRAN **** HUNG	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
43	LE **** LUONG	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
44	DANG *** HOAI	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
45	PHAM *** ANH	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
46	TRAN *** NGOC	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
47	TRAN **** HIEN	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
48	PHAM *** NAM	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
49	BAN ** ***** ANH	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
50	NGUYEN **** THIET	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
51	TRAN *** TUYEN	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
52	LUONG *** PHUONG	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
53	TRAN *** VU	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
54	CHU ***** TAN	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển
55	HOANG *** HOAN	智慧車輛與能源系／Khoa Tri Tuệ Xe và Năng Lượng	越南/Việt Nam	正取/Trúng Tuyển